

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG ĐỊA ỐC ĐẤT XANH
 VÀ CÁC CÔNG TY CON
 27 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 24, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
 TP. HỒ CHÍ MINH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2011

Tại ngày 30/09/2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. Minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		777.001.437.487	540.864.886.268
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	255.923.462.081	161.564.461.264
1. Tiền	111		111.155.239.634	25.359.790.061
2. Các khoản tương đương tiền	112		144.768.222.447	136.204.671.203
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5.2	304.907.384.390	206.683.906.923
1. Phải thu khách hàng	131		131.369.129.690	51.946.890.384
2. Trả trước cho người bán	132		21.596.768.902	33.654.047.020
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		155.766.485.798	124.907.969.519
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3.825.000.000)	(3.825.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140	5.3	66.417.169.042	124.531.524.014
1. Hàng tồn kho	141		66.417.169.042	124.531.524.014
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		149.753.421.974	48.084.994.067
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.963.274.385	1.198.453.374
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		779.475.249	227.223.899
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154		217.026.857	8.002.906
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	143.793.645.483	46.651.313.888

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG ĐỊA ỐC ĐẤT XANH
VÀ CÁC CÔNG TY CON
27 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 24, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2011

Tại ngày 30/09/2011

Đơn vị tính: VND

			231.672.409.744	146.893.730.226
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200			
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		15.691.265.211	13.814.786.514
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	13.500.775.717	12.298.357.253
- Nguyên giá	222		18.606.549.673	15.846.998.472
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.105.773.956)	(3.548.641.219)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.6	190.475.732	62.558.137
- Nguyên giá	228		425.848.605	237.836.330
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(235.372.873)	(175.278.193)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		2.000.013.762	1.453.871.124
III. Bất động sản đầu tư	240	5.7	25.632.318.396	-
- Nguyên giá	241		26.289.557.319	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(657.238.923)	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.8	160.631.542.542	94.487.663.210
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		23.541.456.280	24.557.389.714
3. Đầu tư dài hạn khác	258		137.090.086.262	69.930.273.496
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		6.348.917.702	12.806.007.825
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		4.040.385.208	10.995.108.931
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		112.291.094	112.291.094
3. Tài sản dài hạn khác	268		2.196.241.400	1.698.607.800
VI. Lợi thế Thương Mại	269	5.9	23.368.365.893	25.785.272.677
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.008.673.847.231	687.758.616.494

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG ĐỊA ỐC ĐẤT XANH
VÀ CÁC CÔNG TY CON
27 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 24, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2011

Tại ngày 30/09/2011

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. Minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		669.878.729.062	398.767.092.006
I. Nợ ngắn hạn	310		654.177.911.369	380.936.159.192
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.10	278.822.053.072	179.722.400.000
2. Phải trả người bán	312	5.11	4.757.222.083	1.433.143.030
3. Người mua trả tiền trước	313	5.11	120.569.436.317	126.157.487.166
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.12	16.299.075.705	11.564.870.294
5. Phải trả người lao động	315	5.13	6.934.277.942	5.922.212.133
6. Chi phí phải trả	316	5.14	39.516.091.326	33.960.381.032
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.15	184.888.314.884	20.015.069.220
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.391.440.040	2.160.596.317
II. Nợ dài hạn	330		15.700.817.693	17.830.932.814
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		80.674.803	3.080.674.803
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.16	12.366.456.000	12.662.196.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		555.141.667	564.475.000
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		2.698.545.223	1.523.587.011
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		281.972.865.228	243.597.970.129
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.17	281.972.865.228	243.597.970.129
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		160.000.000.000	160.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.280.000.000	5.280.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		57.334.539	1.365.783.676
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		6.625.797.954	5.384.813.830
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		110.009.732.735	71.567.372.623
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp.	422		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG ĐỊA ỐC ĐẤT XANH
VÀ CÁC CÔNG TY CON
27 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 24, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2011

Tại ngày 30/09/2011

Đơn vị tính: VND

II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	5.18	56.822.252.941	45.393.554.359
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.008.673.847.231	687.758.616.494

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Th. Minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:		-	-
USD		-	-
EUR		-	-
JPY		-	-
AUD		-	-
SGD		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, Ngày 10 tháng 11 Năm 2011

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ VĂN HÂN

ĐỖ THỊ THÁI

LƯƠNG TRÍ THÌN



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		75.487.728.492	62.285.470.001	241.590.647.903	276.665.519.397
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-		1.180.908.097	467.673.636
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	75.487.728.492	62.285.470.001	240.409.739.806	276.197.845.761
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	6.750.996.441	26.723.251.991	75.480.967.252	155.345.494.574
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		68.736.732.051	35.562.218.010	164.928.772.554	120.852.351.187
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	5.196.035.986	963.782.120	14.623.582.555	4.089.117.331
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	6.4	20.839.697.944	693.958.426	24.506.991.564	842.584.232
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		20.839.697.944	693.958.426	24.506.991.564	841.220.193
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	11.097.887.814	8.852.955.513	29.338.760.956	24.324.700.852
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.5	18.867.346.435	12.558.980.885	54.555.132.890	32.274.488.929
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		23.127.835.844	14.420.105.306	71.151.469.699	67.499.694.505
11. Thu nhập khác	31	6.6	1.601.563.380	1.715.612.986	3.862.040.430	21.351.754.908
12. Chi phí khác	32		444.519.971	876.414.762	2.449.268.948	1.296.312.244
13. Lợi nhuận khác	40		1.157.043.409	839.198.224	1.412.771.482	20.055.442.664
14. Phần lợi nhuận (lỗ) từ công ty liên kết, liên doanh	45		(374.791.366)	-	(1.015.933.434)	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		23.910.087.887	15.259.303.530	71.548.307.747	87.555.137.169
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	6.414.749.223	4.529.297.307	21.136.879.461	23.645.760.060
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		17.495.338.664	10.730.006.223	50.411.428.286	63.909.377.109
19. Thu nhập thuộc các cổ đông thiểu số	62		5.595.447.506	660.502.214	8.055.463.101	3.089.199.568
20. Thu nhập thuộc các cổ đông của công ty mẹ	63		11.899.891.158	10.069.504.009	42.355.965.185	60.820.177.541
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		743	1.014	2.647	6.123

NGƯỜI LẬP BIỂU



LÊ VĂN HÂN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



ĐỖ THỊ THÁI

TP. Hồ Chí Minh, Ngày 11 tháng 11 Năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC



LUƠNG TRI THÌN



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG ĐỊA ỐC ĐẤT XANH VÀ CÁC CÔNG TY CON
27 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 24, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)

QUÝ III NĂM 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này.	
			Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		71.548.307.747	87.555.137.169
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		2.873.816.726	1.443.621.786
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(13.644.313.274)	(4.498.642.452)
- Chi phí lãi vay	06		24.506.991.564	841.220.193
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		85.284.802.763	85.341.336.696
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(44.374.014.379)	(17.616.217.555)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		31.824.797.653	11.519.662.800
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		26.239.429.388	(44.611.897.878)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		5.606.809.497	(8.079.533.372)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(14.268.991.843)	(11.354.593.264)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(20.626.421.012)	(20.991.454.931)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		11.078.903.683	108.334.193.845
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(111.639.599.386)	(55.215.440.188)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(30.874.283.636)	47.326.056.153
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.188.436.809)	(5.723.967.677)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		426.950.446	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		999.780.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(61.820.840.539)	(24.158.051.273)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		14.687.880.308	4.889.529.573
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(49.894.666.594)	(24.992.489.377)





CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG ĐỊA ỐC ĐẤT XANH VÀ CÁC CÔNG TY CON
27 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 24, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)
QUÝ III NĂM 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này.	
			Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		7.130.000.000	93.922.670.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		267.045.499.612	81.569.100.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(97.493.366.540)	(125.305.600.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.554.182.025)	(28.005.856.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		175.127.951.047	22.180.313.100
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		94.359.000.817	44.513.879.876
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		161.564.461.264	78.033.220.158
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		255.923.462.081	122.547.100.034

TP. Hồ Chí Minh, Ngày 17 tháng 11 Năm 2011

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ VĂN HÂN

ĐỖ THỊ THÁI

LƯƠNG TRÍ THÌN



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 07 năm 2011 kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

1.1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh (dưới đây gọi tắt là Công ty) là công ty cổ phần được thành lập do chuyển đổi từ Công ty TNHH Dịch vụ Xây dựng Địa ốc Đất Xanh theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh Công ty Cổ phần số 4103008531 ngày 23/11/2007 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4103008531 ngày 23/11/2007 là 15.000.000.000 đồng.

Vốn điều lệ theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4103008531 thay đổi lần thứ 4 ngày 17/01/2008 là 80.000.000.000 đồng.

Vốn điều lệ theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0303104343 thay đổi lần thứ 9 ngày 20/09/2010 là 160.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính được đặt tại số 27 Đinh Bộ Lĩnh, phường 24, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có đầu tư vào 04 công ty con trực tiếp, 09 công ty con gián tiếp và 01 công ty liên kết được trình bày tại mục 1.4 dưới đây (cùng với công ty dưới đây gọi chung là tập đoàn)

1.2. Lĩnh vực kinh doanh:

- Bất động sản

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh nhà.

- Môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất.

- Tư vấn bất động sản (trừ các dịch vụ mang tính chất pháp lý).

- Tư vấn đầu tư.

- Xây dựng dân dụng, công nghiệp.

- Sửa chữa nhà.

- Trang trí nội thất.

- Cho thuê nhà ở, xưởng, văn phòng.

- Lập dự án đầu tư (báo cáo tiền khả thi, khả thi).

- San lấp mặt bằng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 07 năm 2011 kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm.

1.4. Danh sách các công ty được hợp nhất.

1.4.1. Công ty con trực tiếp.

<u>STT</u>	<u>Tên Công Ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
1.	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát Triển Thành Phố Hồ Chí Minh	Địa chỉ: 27 Đinh Bộ Lĩnh, phường 24, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.	51%	50%
<p>Công Ty CP Dịch Vụ Và Xây Dựng Địa Ốc Đất Xanh nắm giữ 51% quyền kiểm soát đối với công Ty CP Đầu Tư và Phát Triển Thành Phố Hồ Chí Minh bao gồm quyền biểu quyết của cổ đông công ty mẹ 50% và quyền biểu quyết của cổ đông Lương Trí Tú 1% theo giấy ủy quyền số : 0801-01/UQ ngày 25/10/2008 về việc: ủy quyền kiểm soát phần vốn góp .</p>				
2.	Công ty TNHH Xây Dựng – Thương Mại – Dịch vụ Hà Thuận Hùng	Địa chỉ: 27 Đinh Bộ Lĩnh, phường 24, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.	99%	99%
3.	Công Ty CP Kinh Doanh Dịch Vụ Bất Động Sản Đất Xanh	Địa chỉ: 27 Đinh Bộ Lĩnh, phường 24, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.	70%	87%
4.	Công Ty CP Xây Dựng Đất Xanh	Địa chỉ: 27 Đinh Bộ Lĩnh, phường 24, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. (*)	70%	58%

(*) Căn cứ theo quyết định của Hội đồng quản trị số 09/2011/QĐ-HĐQT ngày 23/03/2011 Công ty mẹ góp vốn thành lập Công ty cổ phần Xây dựng Đất Xanh (DXC) với tỷ lệ góp vốn là 70%.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 07 năm 2011 kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm.

1.4.2. Công ty con gián tiếp (*)

STT	Tên Công Ty	Địa chỉ	Quyền biểu quyết của công ty mẹ	Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ
1.	Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát triển Đất Xanh Tây Bắc	Địa chỉ: Số 70 Trường Chinh, Phường Tân Hưng Thuận, Quận 12, TP Hồ Chí Minh	51%	44%
2.	Công Ty CP DV Và Xây Dựng Địa Ốc Đất Xanh Tây Nam	Địa chỉ: 299 Hoàng Diệu, Phường 6, Quận 4, Tp. Hồ Chí minh.	51%	44%
3.	Công Ty CP Đất Xanh Đông Á	Địa chỉ: 30 Đường Trần Nãi, Phường An Phú, Quận 2, Tp. Hồ Chí Minh	51%	44%
4.	Công Ty CP Đầu tư Và Phát Triển Đất Xanh Hoàn cầu	Địa chỉ: 114 Nguyễn Cửu Vân, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh	51%	44%
5.	Công ty Cổ phần Đất Xanh Đồng Nai	Số 11, lô C1, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai	51%	44%
6.	Công Ty CP Dịch Vụ Và Xây Dựng Đất Xanh Bình Dương	Số 408 Đại lộ Bình Dương, Khu 3, P. Phú Lợi, TX. Thủ Dầu Một, Bình Dương	51%	44%
7.	Công Ty CP Dịch Vụ Và Địa Ốc Đất Xanh Miền Bắc	521 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành Phố Hà Nội.	51%	48%
8.	Công ty Cổ phần Đất Xanh Mỹ Phước	C1-26, TC3, Mỹ Phước 2, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	56%	49%
9.	Công Ty Cổ Phần Đất Xanh Miền Trung	422 Đường 2 tháng 9, Phường Hòa Cường Bắc, Quận Hải Châu, Đà Nẵng	51%	58%

(*) Các công ty con gián tiếp được nêu ở mục 1.4.2 trên đây, trong năm 2010 là các công ty con được Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh (công ty mẹ) đầu tư trực tiếp với tỷ lệ góp vốn từ 51% đến 56%. Căn cứ theo quyết định của Hội đồng quản trị số 27/2011/QĐ-HĐQT ngày 20/01/2011, Công ty mẹ đã góp vốn thành lập Công ty cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh (DXS) với tỷ lệ góp vốn 70% và chuyển nhượng vốn góp của các công ty này cho DXS,



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 07 năm 2011 kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm.

1.5. Danh sách công ty liên doanh, liên kết được tổng hợp quyền lợi vào báo cáo tài chính hợp nhất.

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Quyền biểu quyết của công ty mẹ	Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ
1.	Công Ty CP Địa Ốc Long Điền	104/4, Ấp Hòa Bình, Xã Giang Điền, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai	49%	49%

2. Niên độ kế toán và đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

2.1. Niên độ kế toán:

Niên độ kế toán của Tập Đoàn từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng:

Tập đoàn áp dụng Chuẩn Mực và Chế độ Kế toán Việt Nam theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính và thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài Chính

3.2. Hình thức Sổ Kế toán áp dụng:

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán Nhật Ký Chung

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tập Đoàn tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 " Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con" để trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 07 năm 2011 kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm.

4. Các chính sách kế toán áp dụng:

4.1. Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính:

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa Ốc Đất Xanh (công ty mẹ), báo cáo tài chính các công ty con trực tiếp và các báo cáo tài chính của các công ty con gián tiếp (gọi chung là Tập đoàn) được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011. Các báo cáo tài chính của công ty con và liên kết đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lãi / lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi thế thương mại được xác định bằng chênh lệch giữa chi phí mua và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty bị mua. Lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tối đa không quá 10 năm.

4.2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền:

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

- Nguyên tắc chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối niên độ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho.

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 07 năm 2011 kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá đích danh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 07 năm 2011 kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	03-06 năm
Phương tiện vận tải	05-10 năm
Thiết bị văn phòng	03-06 năm
Tài sản cố định vô hình	03-06 năm

4.6. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay.

- Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt.

4.7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu
- Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, ngắn hạn, dài hạn.

Cuối kỳ kế toán, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.8. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 07 năm 2011 kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm.

- Theo luật bảo hiểm Xã Hội , tập đoàn và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.9. Nguồn vốn chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo vốn thực góp của chủ sở hữu .
- Ghi nhận cổ tức và phân phối lợi nhuận sau thuế.
- Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế

Theo điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa Ốc Đất Xanh, lợi nhuận sau thuế trước khi chia cổ tức cho các Cổ Đông theo tỷ lệ góp vốn được phân phối như sau :

- + Quỹ dự phòng tài chính
- + Quỹ đầu tư phát triển
- + Quỹ khen thưởng phúc lợi.

4.10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.11. Thuế:

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành; chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Theo hướng dẫn tại Công văn Số 3338/TCT-PCCS ngày 08 tháng 09 năm 2006 của Tổng Cục thuế , về việc: chi phí hợp lý được trừ để tính thu nhập chịu thuế thì Công ty TNHH DV- XD Địa Ốc Đất Xanh nay là Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa Ốc Đất Xanh được khấu trừ toàn bộ chi phí quảng cáo khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp nếu có đủ hóa đơn chứng từ hợp pháp theo quy định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 07 năm 2011 kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm.

Các báo cáo thuế của các công ty trong tập đoàn chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định thuế đối với các nghiệp vụ khác nhau có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau, do vậy, các số liệu thuế thể hiện trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các Công ty trong tập đoàn.

4.12. Các bên liên quan:

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

4.13. Số liệu so sánh:

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của niên độ này.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán :

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền mặt	1.381.513.981	489.864.477
- Tiền gửi ngân hàng	109.773.725.653	24.869.925.584
- Các khoản tương đương tiền	144.768.222.447 (*)	136.204.671.203
Tổng cộng	255.923.462.081	161.564.461.264

(*) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn một tháng tại các Ngân hàng .

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Phải thu khách hàng	131.369.129.690 (1)	51.946.890.384
- Trả trước cho người bán	21.596.768.902	33.654.047.020
- Các khoản phải thu khác	155.766.485.798 (2)	124.907.969.519
- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.825.000.000)	(3.825.000.000)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	304.907.384.390	206.683.906.923

(1) Chi tiết bao gồm:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Phải thu khách hàng bán dự án căn hộ	45.465.348.067	39.856.564.508
- Phải thu khách hàng dịch vụ môi giới và phải thu khác	85.903.781.623	12.090.325.876
Cộng	131.369.129.690	51.946.890.384



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 07 năm 2011 kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm.

(2) Chi tiết bao gồm:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải thu theo hợp đồng góp vốn đầu tư xây dựng	12.235.728.500	12.235.728.500
- Phải thu tiền ứng trước cho bên bán nhà và đất	27.982.434.034	28.945.426.700
- Phải thu theo các giấy ủy quyền đứng tên hợp đồng mua quyền sử dụng đất - xem thêm mục 7	36.994.750.740	41.426.650.740
- Phải thu các khoản tài trợ vốn cho dự án đầu tư	75.189.068.710	38.539.254.600
- Các khoản khác	3.364.503.814	3.760.908.979
Cộng	<u>155.766.485.798</u>	<u>124.907.969.519</u>

5.3. Hàng tồn kho:

Hàng tồn kho tại ngày 30/09/2011 chủ yếu là chi phí xây dựng dở dang các dự án:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thành phẩm	5.591.351.003	91.521.905.181
+ Dự án Sunview 1		12.729.042.198
+ Dự án sunview 2	5.591.351.003	78.792.862.983
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	59.654.241.143	32.954.000.760
+ Dự án Phú Gia Hưng	58.017.785.271	32.954.000.760
+ Khác	1.636.455.872	
Hàng hóa	83.775.333	
Nguyên vật liệu	1.059.220.955	
Công cụ, dụng cụ khác	28.580.608	55.618.073
	<u>66.417.169.042</u>	<u>124.531.524.014</u>

5.4. Tài sản ngắn hạn khác:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tài sản thiếu chờ xử lý	5.000.000	5.000.000
- Tạm ứng	13.074.416.983	10.780.843.888
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	130.714.228.500 (*)	35.865.470.000
Tổng cộng	<u>143.793.645.483</u>	<u>46.651.313.888</u>

(*) Chủ yếu là khoản đặt cọc mua dự án fivestar của Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Quốc Tế Năm Sao



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 07 năm 2011 kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm.

5.5. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc	PTVT, truyền dẫn	Thiết bị, Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Số dư đầu năm	-	310.875.610	13.248.221.724	1.799.800.986	15.358.898.320
- Mua trong kỳ		102.728.500	2.128.166.439	1.551.442.666	3.782.337.605
- Tăng khác		32.060.040	365.273.824	401.641.898	798.975.762
- Thanh lý, nhượng bán			(990.726.364)		(990.726.364)
- Giảm khác		(342.935.650)	-		(342.935.650)
Số dư cuối kỳ		102.728.500	14.750.935.623	3.752.885.550	18.606.549.673

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu năm		63.097.152	2.577.929.027	419.514.888	3.060.541.067
- Khấu hao trong kỳ		2.230.109	1.498.128.508	657.567.435	2.157.926.052
- Tăng khác		1.442.929	310.322.044	239.432.331	551.197.304
- Thanh lý, nhượng bán			(567.290.346)	-	(567.290.346)
- Giảm khác		(64.540.081)	(32.060.040)		(96.600.121)
Số dư cuối kỳ		2.230.109	3.787.029.193	1.316.514.654	5.105.773.956

Giá trị còn lại của TSCĐ HH

- Tại ngày đầu năm		247.778.458	10.670.292.697	1.380.286.098	12.298.357.253
- Tại ngày cuối kỳ		100.498.391	10.963.906.430	2.436.370.896	13.500.775.717

5.6. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Trang web	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình					
Số dư đầu năm	-	-	116.153.730	121.682.600	237.836.330
- Mua trong kỳ	-	-	174.012.275	14.000.000	188.012.275
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối kỳ	-	-	290.166.005	135.682.600	425.848.605

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 07 năm 2011 kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm.

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu năm	-	88.435.228	86.842.965	175.278.193
- Khấu hao trong kỳ	-	30.618.710	29.475.970	60.094.680
- Thanh lý, nhượng bán				
- Giảm khác				
Số dư cuối kỳ	-	119.053.938	116.318.935	235.372.873

Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình

- Tại ngày đầu năm	-	27.718.502	34.839.635	62.558.137
- Tại ngày cuối kỳ	-	171.112.067	19.363.665	190.475.732

5.7. Bất động sản đầu tư : Là các căn hộ sunview1 và sunview2 đang giữ để cho thuê, được kế toán theo chuẩn mực " Bất Động Sản Đầu Tư"

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Nguyên giá bất động sản đầu tư	26.289.557.319	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	(657.238.923)	
- Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư	25.632.318.396	

5.8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Đầu tư vào công ty liên kết	23.541.456.280	24.557.389.714
- Đầu tư dài hạn khác	137.090.086.262	69.930.273.496
- Các khoản đầu tư dài hạn khác		
Tổng cộng	160.631.542.542	94.487.663.210

5.9. Lợi thế thương mại:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Lợi thế thương mại đầu năm	25.785.272.677	29.007.815.057
- Lợi thế thương mại tăng trong kỳ		
- Phân bổ lợi thế thương mại trong kỳ	(2.416.906.784)	(3.222.542.380)
- Lợi thế thương mại cuối kỳ	23.368.365.893	25.785.272.677

Lợi thế thương mại được ghi nhận từ các khoản đầu tư vào :

- Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Và Phát Triển Thành Phố Hồ Chí Minh do mua lại 2.500.000 cổ phần của Cổ Đông Trần Thị Yên Chính theo hợp đồng mua bán Cổ Phiếu ngày: 01/10/2008.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 07 năm 2011 kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm.

- Công Ty TNHH Xây Dựng - Thương Mại - Dịch Vụ Hà Thuận Hùng do mua lại phần vốn góp 20 tỷ đồng của Ông Huỳnh Hồng Hà theo Hợp Đồng chuyển nhượng góp vốn ký ngày 25/06/2009, và mua lại phần vốn góp 5.74 tỷ đồng của Ông Huỳnh Đông Hải theo Hợp Đồng chuyển nhượng góp vốn ký 25/06/2009.

5.10. Các khoản vay và nợ ngắn hạn:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Vay ngân hàng công thương Việt Nam	47.000.000.000 (1)	60.000.000.000
- Vay ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - TechcomBank	72.000.000.000 (2)	0
- Vay ngân hàng khác	500.000.000	
- Vay đối tượng khác	159.247.153.072 (3)	119.000.000.000
- Vay dài hạn đến hạn trả	74.900.000	722.400.000
Tổng cộng	278.822.053.072	179.722.400.000

(1) Vay ngân hàng Công Thương Việt Nam theo hợp đồng số: 0039/2011/HĐTD ngày 05/05/2011, lãi suất 22%/năm. Mục đích sử dụng tiền vay: thanh toán các chi phí liên quan đến việc thực hiện hợp đồng môi giới và bao tiêu sản phẩm dự án khu dân cư Phước Lý, tỉnh Long An.

(2) Vay ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - TechComBank theo hợp đồng số: 18478/HĐTD ngày 30/08/2011, lãi suất 17%/năm. Mục đích sử dụng tiền vay: thanh toán thanh toán hợp đồng xây dựng dự án Phú Gia Hưng.

(3) Gồm : Vay cá nhân Ông Lương Trí Thìn theo Nghị Quyết HĐQT số :17/2010/NQ-HĐQT ngày 20 tháng 11 năm 2010 kèm hợp đồng vay số : 05/ĐX -2010 và 06/ĐX-2010 ngày 22 tháng 11 năm 2010 , tổng số tiền của 02 hợp đồng tương đương 80.000.000.000 đồng, lãi suất điều chỉnh là: 22,7%/ năm từ ngày 15/05/2011. Vay cá nhân Ông Nguyễn Hữu Quang theo nghị quyết số : 17/2010/NQ-HĐQT ngày 20 tháng 11 năm 2010, hợp đồng vay số 04 /ĐX-2010 ngày 22 tháng 11 năm 2010 tương đương số tiền : 20.000.000.000đ, lãi suất điều chỉnh 22,7%/ Năm từ ngày 15/05/2011 .

Vay Bà Phạm Thị Hinh theo hợp đồng số: 07/ĐX-2010 ngày 01/12/2010, lãi suất: 9%/năm và lãi suất được điều chỉnh là: 25%/ năm từ ngày 09/02/2011. Bổ sung vốn lưu động, vốn đầu tư và xây dựng dự án trong tháng 12/2010 và năm 2011.

5.11. Phải trả người bán và người mua trả trước tiền:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Phải trả người bán.	4.757.222.083	1.433.143.030
- Người mua trả tiền trước.	120.569.436.317 (*)	126.157.487.166
Tổng cộng	125.326.658.400	127.590.630.196



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 07 năm 2011 kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm.

(*) Là khoản tiền khách hàng trả tiền trước mua căn hộ sunview, Phú Gia Hưng và các dự án khác bao gồm:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Dự án Sunview 2	3.791.094.780	76.644.211.888
- Dự án Phú Gia Hưng	99.782.283.787	48.827.953.578
- Hàng hóa, dịch vụ và phí khác	16.996.057.750	685.321.700
Tổng cộng	120.569.436.317	126.157.487.166

5.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng	7.700.406.239	3.766.081.722
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.764.545.206	7.250.779.348
- Thuế thu nhập cá nhân	834.124.260	548.009.224
Tổng cộng	16.299.075.705	11.564.870.294

5.13. Phải trả người lao động

Chủ yếu là khoản lương tháng 9/2011 đã được chi trả trong tháng 10/2011

5.14. Chi phí phải trả.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chi phí phải trả ước tính hoàn thành dự án Sunview1	8.987.971.117	10.858.261.609
- Chi phí phải trả ước tính hoàn thành dự án Sunview2	9.536.668.434	19.038.016.004
- Chi phí lãi vay phải trả và khác.	20.991.451.775	4.064.103.419
Tổng cộng	39.516.091.326	33.960.381.032

5.15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Kinh phí công đoàn	535.936.119	287.626.138
- Bảo hiểm xã hội	636.340.665	426.631.949
- Bảo hiểm y tế	135.293.805	14.824.100
- Trợ cấp thất nghiệp	22.468.000	
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	183.558.276.295 ^(*)	19.285.987.033
Tổng cộng	184.888.314.884	20.015.069.220

(*) Chi tiết bao gồm:



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 07 năm 2011 kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Hoàn trả tiền hợp đồng góp vốn mua dự án sunview1 + sunview2	2.279.758.237	5.906.422.119
- Phải trả tiền thu hộ phí bảo trì dự án sunview1 + sunview2	8.272.394.271	1.295.203.364
- Phải trả tiền thu hộ cho chủ đầu tư dự án và khác	173.006.123.787	12.084.361.550
Tổng cộng	183.558.276.295	19.285.987.033

5.16. Vay và nợ dài hạn

- Vay ngân hàng
- Vay đối tượng khác

Tổng cộng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	473.960.000	769.700.000
	11.892.496.000	11.892.496.000
Tổng cộng	12.366.456.000	12.662.196.000

Vay dài hạn ngân hàng là các khoản vay có thời hạn từ 24 tháng đến 48 tháng với mức lãi suất áp dụng từng thời kỳ, số dư nợ gốc đến ngày 30/09/2011 là: 473.960.000 đồng, nợ dài hạn đến hạn trả là: 74.900.000 đồng các khoản vay được bảo đảm bằng tài sản cố định là phương tiện vận tải - xem mục 5.5

5.17. Vốn chủ sở hữu

5.17.1- Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ ĐTPT và Quỹ DPTC	LN sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	80.000.000.000	3.420.000.000	1.366.522.430	38.420.181.593	123.206.704.023
- Tăng trong năm trước	80.000.000.000	1.860.000.000	-	-	81.860.000.000
- Lãi trong năm trước	-	-	-	72.079.286.807	72.079.286.807
- Chia lợi nhuận	-	-	-	(28.000.000.000)	(28.000.000.000)
- Phân phối quỹ	-	-	5.384.075.076	(10.932.095.777)	(5.548.020.701)
Số dư đầu năm nay	160.000.000.000	5.280.000.000	6.750.597.506	71.567.372.623	243.597.970.129
- Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ	-	-	-	42.355.965.185	42.355.965.185
- Chia lợi nhuận	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	(2.348.680.413)	2.348.680.413	-
- Phân phối quỹ	-	-	2.281.215.400	(6.262.285.486)	(3.981.070.086)
Số dư ngày 30/09/2011	160.000.000.000	5.280.000.000	6.683.132.493	110.009.732.735	281.972.865.228



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 07 năm 2011 kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm.

5.17.2- Lợi nhuận chưa phân phối:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tại thời điểm đầu kỳ	71.567.372.623	38.420.181.593
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	42.355.965.185	72.079.286.807
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển	1.308.449.137	(682.522.461)
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	(3.981.070.086) (*)	(4.701.552.615)
- Trích lập quỹ dự phòng tài chính	(1.240.984.124) (*)	(5.548.020.701)
- Chia cổ tức		(28.000.000.000)
- Tại thời điểm cuối kỳ	110.009.732.735	71.567.372.623

(*) Trích quỹ theo Nghị Quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông số 02/2011/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 04 năm 2011

5.17.3- Cổ phần

	Kỳ này	Kỳ trước
- Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	16.000.000	8.000.000
- Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	16.000.000	8.000.000
- Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	16.000.000	8.000.000
- Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000VND/ cổ phần.		

5.18. Lợi ích cổ đông thiểu số:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số dư tại ngày 01/01/2011	45.393.554.359	27.168.057.810
- Tăng từ hợp nhất kinh doanh	9.005.100.000 (*)	12.450.000.000
- Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông thiểu số	8.055.463.101 (*)	5.775.496.549
- Cổ tức được chia	(5.631.864.519)	
- Số dư tại ngày 30/09/2011	56.822.252.941	45.393.554.359

(*) Lợi ích của cổ đông thiểu số là phần giá trị từ kết quả hoạt động thuần và giá trị tài sản thuần của các công ty con được xác định tương ứng cho phần lợi ích không phải do công ty mẹ sở hữu một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các công ty con.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 07 năm 2011 kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm.

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

6.1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Quý III/2011</u>	<u>Quý III/2010</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu môi giới bất động sản	75.487.728.492	21.468.713.140	134.264.572.600	80.493.178.434
- Doanh thu từ hoạt động chuyển nhượng Bất Động Sản	-	40.816.756.861	107.326.075.303	196.172.340.963
- Hàng bán trả lại	-	-	(1.180.908.097)	(467.673.636)
Doanh thu thuần	75.487.728.492	62.285.470.001	240.409.739.806	276.197.845.761

6.2. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý III/2011</u>	<u>Quý III/2010</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn môi giới bất động sản	6.750.996.441	4.356.534.495	16.450.568.997	10.824.793.391
- Giá vốn hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	22.366.717.496	59.030.398.255	144.520.701.183
Tổng cộng	6.750.996.441	26.723.251.991	75.480.967.252	155.345.494.574

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý III/2011</u>	<u>Quý III/2010</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.196.035.986	963.782.120	14.623.582.555	4.089.117.331

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	<u>Quý III/2011</u>	<u>Quý III/2010</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền vay	20.839.697.944	693.958.426	24.506.991.564	841.220.193
Khác				1.364.039
Tổng cộng	20.839.697.944	693.958.426	24.506.991.564	842.584.232

6.5. Chi phí bán hàng và quản lý kinh doanh theo yếu tố

	<u>Quý III/2011</u>	<u>Quý III/2010</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	1.410.435.586	905.393.761
Chi phí nhân viên	15.433.609.120	8.425.200.370
Chi phí khấu hao tài sản cố định	794.459.455	559.320.277
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.149.616.663	8.729.583.200
Chi phí bằng tiền khác	371.477.829	1.986.803.195
Phân bổ lợi thế thương mại	805.635.596	805.635.595
Tổng cộng	29.965.234.249	21.411.936.398

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 07 năm 2011 kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm.

6.6. Thu nhập khác

	<u>Quý III/2011</u>	<u>Quý III/2010</u>
- Thu nhập quyền khai thác lợi thế căn hộ thương mại	1.031.344.668	
- Thu tiền phạt, tiền bồi thường		836.091.799
- Thanh lý, nhượng bán tài sản, công cụ, dụng cụ.	460.848.216	605.593.926
- Khác	109.370.496	273.927.261
Tổng cộng	<u>1.601.563.380</u>	<u>1.715.612.986</u>

6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

	<u>Quý III/2011</u>	<u>Quý III/2010</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.414.749.223	4.529.297.307

7. Thông tin về các bên có liên quan:

- Theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam, các cá nhân dưới đây được xem là các bên có liên quan.

Bên liên quan

Ông Lương Trí Thìn

Ông Trần Văn Ánh

Ông Nguyễn Khánh Hưng

Ông Trần Khánh Quang

Ông Trần Quyết Chiến

Ông Nhâm Hà Hải

Ông Lương Trí Thảo

Ông Lương Trí Tú

Mối quan hệ

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị kiêm Tổng Giám Đốc.

Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị.

Thành viên Hội Đồng Quản Trị.

Thành viên Hội Đồng Quản Trị, kiêm Phó Tổng Giám Đốc

Thành viên Hội Đồng Quản Trị.

Thành viên Hội Đồng Quản Trị.

Cố đồng, Kiêm Tổng Giám Đốc Công Ty CP Đất Xanh Mỹ Phước.

Cố đồng, Kiêm Thủ Quỹ.

Giao dịch giữa Công ty và các công ty con, cũng được gọi là các bên liên quan, đã được loại trừ trong quá trình hợp nhất.

Tại ngày lập bảng Cân đối kế toán, các số dư với các bên có liên quan như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tạm ứng	10.062.853.604	7.481.887.426
- Phải thu từ đứng tên Quyền sử dụng đất xem mục 5.2	36.994.750.740	41.426.650.740
- Phải thu tài trợ vốn	75.189.068.710	38.539.254.600
- Phải trả	(1.087.000.000)	(1.804.613.830)
- Đặt cọc	20.103.440.000	24.270.070.000
- Vay dài hạn - xem thêm mục 5.16	(11.892.496.000)	(7.000.000.000)
- Vay ngắn hạn - xem thêm mục 5.10	(88.107.504.000)	(88.107.504.000)
- Lãi vay phải trả	(20.350.850.356)	(2.222.222.223)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 07 năm 2011 kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm.

Bản chất các giao dịch với các bên liên quan và giá trị giao dịch trong quý III/2011 như sau:

	<u>Quý III/2011</u>	<u>Quý III/2010</u>
Phải thu	5.158.184.800	
Phải trả	1.041.000.000	
Đã thu	3.324.499.000	
Góp vốn	-	24.500.000.000
Chi tạm ứng	3.603.637.113	3.841.475.006
Thu tạm ứng	673.155.616	1.624.740.015
Nhận tiền vay	200.000.000	-
Lãi Vay	6.105.030.462	607.355.564
Cô tức	139.486.500	28.001.740.900

Thù lao của Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Tổng giám Đốc

	<u>Quý III/2011</u>	<u>Quý III/2010</u>
Thù lao Hội Đồng Quản Trị	9.713.010.335	
Tổng Giám Đốc	1.913.674.778	135.900.000
Nhân viên chủ chốt khác	6.986.850.456	663.020.188
Tổng cộng	18.613.535.569	798.920.188

8. Các sự kiện sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày 30/09/2011 đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

9. Phê duyệt và phát hành báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011 được Tổng Giám Đốc phê duyệt và phát hành vào ngày 03 tháng 11 năm 2011.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 11 năm 2011

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ VĂN HÂN

ĐỖ THỊ THÁI

LƯƠNG TRÍ THÌN